

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 9 -2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Dung

Ông Đinh Thanh Hải

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thuỳ Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXX-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1986

Nơi thường trú: **Xóm Đ, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt)**

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: **Xóm Đ, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện ở Hàn Quốc (Vắng mặt)**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị **Vũ Thị T** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **S** kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, đến năm 2018, do kinh tế khó khăn nên anh **S** sang Hàn Quốc làm kinh tế, mấy năm đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, sau đó không còn liên lạc về với gia đình nữa. Chị và gia đình cố gắng hỏi thăm các mối quan hệ, bạn bè của anh **S** nhưng không có tin tức gì. Nay các bên không còn sống chung, chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **S**.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là **Phạm Quốc H**, sinh ngày 27/5/2005 và **Phạm Vũ Bảo N**, sinh ngày 25/8/2017. Hiện nay cháu **H** đã trưởng thành. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung là cháu **Phạm Vũ Bảo N**. Về cấp dưỡng: Chị **T** không có ý kiến gì

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 06/9/2024 giữa Tòa án và bà Phạm Thị H1, địa chỉ: TDP S, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên dưới sự chứng kiến của tổ trưởng tổ dân phố, bà H1 xác định: Anh Phạm Văn S là em trai của bà, bà không biết địa chỉ hiện nay của anh S ở Hàn Quốc nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh S thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại và biết việc chị T xin ly hôn, anh S nhất trí ly hôn với chị T. Anh S và chị T có 02 con chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 27/5/2005 và Phạm Vũ Bảo N, sinh ngày 25/8/2017, anh S đồng ý giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng do anh S đang làm việc tại Hàn Quốc, còn cháu H đã trưởng thành, anh không có ý kiến. Tuy nhiên khi anh trở về Việt Nam, anh S muốn xin trực tiếp nuôi cháu N. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không có ý kiến gì, anh S nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung anh S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, do anh S đang ở nước ngoài nên anh không thể về Việt Nam trực tiếp giải quyết và có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1986, nơi thường trú: Xóm Đ, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Anh Phạm Văn S trước khi đi Hàn Quốc có nơi thường trú tại Xóm Đ, xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay đang ở Hàn Quốc. Theo công văn số 3231/PQLNXC(Đ1) ngày 05/8/2024 của Phòng Q Công an tỉnh T xác định anh Phạm Văn S đã được cấp hộ chiếu và đã xuất cảnh ngày 27/11/2018 qua cửa khẩu N1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Chị T và anh S đều đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống hòa thuận, đến năm 2018, do kinh tế khó khăn nên anh S sang Hàn Quốc làm kinh tế, mấy năm đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, sau đó không còn liên lạc về với gia đình nữa. Chị T xin ly hôn, anh S nhất trí. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai anh chị đều nhất trí ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn S có 02 con chung là Phạm Quốc H, sinh ngày 27/5/2005 và Phạm Vũ Bảo N, sinh ngày 25/8/2017.

Hội đồng xét xử thấy, **Phạm Quốc H**, sinh ngày 27/5/2005 hiện nay đã đủ 18 tuổi, Tòa án không xem xét. Chị **T** có nguyện vọng được nuôi cháu **Phạm Vũ Bảo N**, sinh ngày 25/8/2017, anh **S** nhất trí, do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung **Phạm Vũ Bảo N** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, đảm bảo đúng các quy định tại Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung do các bên không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **T** và anh **S** không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không giải quyết.

Án phí: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án được đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; 37; khoản 2 Điều 38; Điều 147; Điều 207; Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Vũ Thị T** đối với anh **Phạm Văn S**.

1. Về hôn nhân: Cho chị **Vũ Thị T** được ly hôn anh **Phạm Văn S**.

2. Về con chung: Cháu **Phạm Quốc H** đã trưởng thành, Tòa án không xem xét. Giao con chung **Phạm Vũ Bảo N**, sinh ngày 25/8/2017 cho chị **T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh **S** có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **S** do chị **T** không yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị **Vũ Thị T** phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn đã nộp, biên lai số 0000106 ngày 18/7/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị **Vũ Thị T** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Anh **Phạm Văn S** được quyền kháng cáo bản án trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Hồng Phương

